

DIỆN MẠO KỊCH BẢN TUỒNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Nguyễn Tô Lan*

Tuồng là loại hình sân khấu truyền thống Việt Nam đồng thời tổ hợp các yếu tố ca, vũ để trình diễn một nội dung có tính hướng kịch. Âm nhạc tuồng là sự kết hợp các làn điệu dân ca Việt Nam và một số yếu tố của âm nhạc bản địa; vũ đạo mang tính tượng trưng kết hợp múa và võ đạo phương Nam; nội dung kịch bản nếu không rút ra từ văn học cổ phương Đông thì khai thác chất liệu từ cuộc sống đương thời; các yếu tố khác phục vụ cho việc thể hiện tình tiết kịch như sân khấu, đạo cụ tương đối đơn giản để phù hợp với tính tượng trưng cao của biểu diễn, tận dụng tối đa hệ thống quy ước của động tác hình thể để khơi gợi trí tưởng tượng của khán giả. Diễn viên hoặc để mặt mộc, hoặc vẽ mặt tùy loại hình nhân vật và theo nội dung của vở diễn. Cũng chính vì vậy có nhiều quan điểm xếp tuồng vào hệ thống sân khấu mặt nạ truyền thống phương Đông (cùng với hí kịch Trung Quốc hay kịch Nô Nhật Bản).

Ca vũ và âm nhạc dân gian được coi là một trong những mầm mống của tuồng. Theo tài liệu cổ sử Việt Nam, ngay từ thế kỷ 12, người Việt đã có những hình thức ca vũ riêng và đã biết dùng ca vũ để biểu diễn một tích truyện có nội dung và tình tiết kịch. Những ghi chép về tuồng trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam khá mờ nhạt cho đến thế kỷ 16. Từ thế kỷ 13 đến 19 tại miền Nam Việt Nam với sự hậu thuẫn của nhà cầm quyền địa phương, tuồng dần trở thành món ăn tinh thần phổ biến trong dân chúng. Nghệ thuật biểu diễn tuồng được hoàn thiện, định hình về trình thức và đặc điểm kịch chủng, nhiều kịch bản tuồng có trình độ cao xuất hiện và phổ biến, phần lớn trong số đó cho tới nay vẫn là những kịch mục kinh điển nhất của tuồng Việt Nam. Khi nhà Nguyễn thống nhất Việt Nam năm 1802 cho đến khi cáo chung năm 1945, tuồng được coi là phương tiện giải trí chính thống của nhà nước. Thời gian này, tuồng phát triển rầm rộ trong cả nước, nhiều trường phái được nảy sinh, kịch mục càng nhiều, ngoài những vở khuyết tên tác giả, đã có những vở tuồng do các danh sĩ đương thời biên soạn. Lần đầu tiên trong lịch sử hình thức sân khấu thô sơ, lưu động nơi thôn dã được thay thế bằng sân khấu cung đình và rạp hát tư nhân. Đến nửa sau thế kỷ 19, bị lép vế với văn hóa phương Tây, tuồng mất vị trí thượng phong. Thăng trầm gần một thế kỷ, cho đến nay tuồng được coi là bảo bối của văn hóa truyền thống Việt Nam. Đặc biệt ở những vùng đất phát tích của tuồng thì nghệ thuật này vẫn là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống đương đại.

Nhìn chung, có thể chia lịch sử tuồng thành 2 giai đoạn lớn: Tuồng truyền thống và tuồng hiện đại. Tuồng truyền thống vốn là hình thức diễn xướng xuất phát từ dân gian, dần dần được cố định hóa về mặt phong cách,

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

nghệ thuật biểu diễn và kịch bản. Sau này, trong giai đoạn hưng thịnh của nó (triều Nguyễn), tổng truyền thống còn là một thể loại sáng tác văn học được nhiều danh Nho, danh văn của triều đình phong kiến ưa chuộng (tương truyền một loạt tác gia thuộc hoàng tộc như đức ông Trấn Biên soạn *Tạc không truyền kỳ*, Hoàng Hóa quận vương, đức ông Nam Sách, đức ông Ninh Thuận cùng soạn bộ *Tuyệt diệu bình yên*,⁽¹⁾ Diên Khánh Vương soạn một phần bộ *Vạn bửu trình tường*,⁽²⁾ Hàm Thuận Vương soạn *Bình hoài*, hoặc vua Minh Mạng cũng tham gia sáng tác một phần vở *Quần tiên hiển thọ*,⁽³⁾ các tác gia là bậc đại Nho của triều đình như Đào Tấn soạn *Tân Dã đồn*, *Hoàng Phi Hổ quá Giới Bài quan*, *Cổ thành* v.v..., Ngô Quý Đồng, Trương Quốc Dụng tham gia Ban Hiệu thư v.v...). Tổng truyền thống có phương thức trình diễn đặc thù, nội dung xoay quanh các vấn đề thuộc về xã hội phong kiến Việt Nam (dù cho là tuồng mượn tích của Trung Quốc hay nội dung kịch của Pháp như vở *Lộ Dịch*⁽⁴⁾ của Ứng Bình Thúc Gia Thị thì rốt cục cũng là để nói chuyện nước ta). Kịch bản của tổng truyền thống được viết bằng chữ Hán Nôm, nên cùng với việc chữ Hán Nôm được thay thế bằng chữ Quốc ngữ vào năm 1945 thì tổng truyền thống không được tiếp tục sáng tác hoặc biên chép bằng văn tự cổ truyền, thay thế vào đó là chữ Quốc ngữ theo ký tự La Mã. Nếu có thêm những bản Hán Nôm thì đó chỉ là những bản chép hoặc sao chụp lại những văn bản Hán Nôm đã có mà thôi. Tuồng hiện đại ra đời là một sự tiếp nối tổng truyền thống, với mong muốn cải biên tổng truyền thống cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Tuồng hiện đại được sáng tác với nội dung mới, bám sát thị hiếu công chúng và diễn biến lịch sử của dân tộc, có thể là những vở hoàn toàn dựa trên con người, đặc điểm xã hội mới để dàn dựng như *Chị Ngộ*, *Má Tám*, *Sư già và em bé* v.v..., mượn đề tài lịch sử dân tộc như *An Tư công chúa*, *Đề Thám*, *Trung Nữ Vương*, *Áo vải cờ đào* v.v..., hoặc dùng hình thức cũ của tuồng để sáng tác là “tuồng náo” với nội dung, nhân vật mới như vở *Con chó vện* v.v... Cho đến nay, tuồng hiện đại vẫn tiếp tục được sáng tác, dàn dựng và biểu diễn.

Tuồng truyền thống có quá trình phát triển dài lâu, bắt rễ sâu rộng trong dân gian, tham dự vào sinh hoạt văn hóa dân gian trong nhiều thế kỷ, lại thu hút được sự tham gia sáng tác đông đảo của các Nho sĩ, nên có số lượng vở khá lớn với nội dung phong phú, phản ánh được nhiều tầng lớp văn hóa truyền thống Việt Nam, và trở thành một bộ phận quan trọng trong di sản văn hóa nước nhà nói chung và lịch sử tuồng Việt Nam nói riêng. Trong đó, có nhiều vở được coi như mẫu mực của nghệ thuật tuồng, nghĩa là nhắc đến tuồng là phải nhắc đến nó như *Sơn hậu*, *Tam nữ đồ vương*, *Hộ sanh đàn*, *Ngự Văn Quân* v.v..., có những lớp tuồng được coi là lớp tuồng kinh điển như *Đổng Kim Lân qua đèo*, *Triệu Đình Long cứu chúa*, *Đào Tam Xuân loạn trào*, *Tiết Cương chống búa* v.v... bao hàm những “miếng” tuồng mà người biểu diễn phải thuộc nằm lòng, kỹ thuật biểu diễn thể hiện trình độ của người diễn viên đã đạt đến “đăng đường nhập thất” hay chưa.

Kịch bản tuồng truyền thống được viết bằng chữ Hán Nôm. Thời phong kiến, con đường truyền thừa nghệ thuật tuồng được chia thành hai nhánh,

truyền nghệ và lưu truyền kịch bản. Truyền nghệ tức là truyền lại nội dung, cốt truyện, các câu hát, thậm chí nguyên cả một kịch bản tuồng theo phương pháp “dĩ tâm truyền tâm”, người nghệ sĩ truyền lại cho nhau, các đời nối nhau thuộc lòng để diễn, có khi diễn viên diễn tuồng theo lối “diễn cương”, tức là không có kịch bản sẵn, trước khi diễn được phổ biến qua về nội dung rồi người nghệ sĩ dựa vào đó, dùng những câu hát thích hợp đã thuộc sẵn để tự dàn dựng nên vở, miễn là hát cho hợp lý. Con đường lưu truyền kịch bản để chỉ quá trình kịch bản tuồng được sao chép, truyền tay qua nhiều thế hệ trong một gánh hát, hoặc trao đổi giữa các gánh với nhau, các nghệ nhân biểu diễn khác nhau, cố nhiên khi sao chép nhiều nội dung đã được thêm, bớt cũng như cùng một kịch bản thì các gánh hát khác nhau, các kép hát khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể có cách trình bày khác nhau, hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn, hoặc sửa chữa từ ngữ, câu hát. Sau năm 1945, cùng với việc chữ Quốc ngữ chính thức thay thế cho chữ Hán Nôm, hầu như tuồng truyền thống không có thêm văn bản mới. Để làm cầu nối về văn tự, một số kịch bản tuồng được phiên âm, dịch sang tiếng Việt để người đương thời có thể tiếp cận được như *Sơn hậu*, *Tam nữ đồ vương*,⁽⁵⁾ *Tiên Bửu*, *Trần Bô*, *Trương Ngáo*, *Trương Đồ Nhục* v.v..⁽⁶⁾ Tuy nhiên, các vở này chỉ giới thiệu bản dịch mà không giới thiệu văn bản gốc nên trong nhiều trường hợp, những người muốn tìm hiểu thêm không có căn cứ để so sánh, đối chiếu. Nếu không kể đến những văn bản tuồng được dịch sang Quốc ngữ và xuất bản rộng rãi ở Sài Gòn từ đầu thế kỷ 19 cho đến trước năm 1975 thì phải tính đến 5 vở tuồng truyền thống được Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn xuất bản trước năm 1975 là *Đình Lưu Tú diễn ca*,⁽⁷⁾ *Trần trác hân*,⁽⁸⁾ *Sơn hậu*,⁽⁹⁾ *Hàm hòa diễn truyện*,⁽¹⁰⁾ *Kim thạch kỳ duyên*.⁽¹¹⁾ Năm bản này ngoài bản dịch, chủ còn in đầy đủ nguyên văn chữ Nôm.⁽¹²⁾ Sau năm 1975, một số vở cũng được giới thiệu kèm theo bản chữ Hán Nôm, chẳng hạn như *Kim thạch kỳ duyên*⁽¹³⁾ do Nguyễn Q. Thắng phiên âm và khảo đính.⁽¹⁴⁾ Nhưng tựu trung, những văn bản đã được phiên dịch và giới thiệu là rất ít, khiến cho diện mạo về tuồng truyền thống có bề phiến diện. Hơn nữa, trước nay tuy đã có một số cơ quan văn hóa sưu tầm và lưu trữ nhưng chưa có thống kê cơ bản về văn bản tuồng truyền thống hiện tồn trong khi dù không còn đầy đủ như trước, nhưng số lượng bản tuồng còn lại khá nhiều, khá phong phú về kịch bản và truyền bản của kịch bản.⁽¹⁵⁾

Nền móng này có thể nói đã được xây dựng và củng cố dưới thời Nguyễn. Triều Nguyễn ngay từ những ngày đầu lập quốc đã có ý thức sưu tầm thư tịch Hán Nôm tản mát trong dân gian, đồng thời xây dựng nhiều trung tâm lưu trữ có tính chất quốc gia⁽¹⁶⁾ nhằm lưu trữ, nhân bản và quản lý những thư tịch quý này một cách có hệ thống. Tuy kịch bản tuồng được hình thành khá sớm, có vở đã được ghi lại bằng văn tự Hán Nôm nhưng chỉ đến triều Tự Đức (1848-1883), với quyết định lập Ban Hiệu thư thì những kịch bản tuồng tản mát trong dân gian, truyền thừa trong các gánh hát hoặc trong gia đình những người mê tuồng mới được tổ chức cố định hóa văn bản, hiệu chỉnh về văn từ, chỉnh sửa về số lớp, hồi như *Sơn hậu*, *Tam nữ đồ vương*..., một số vở tuồng mới cũng được tổ chức biên soạn như *Vạn bửu*

trình tường, *Quần phương tập khánh, Tứ quốc lai vương...* Đào Tấn thuộc “biên chế” Ban Hiệu thư đã phụng sắc soạn được ba vở *Bình địch, Đãng khấu chí, Tam thái giám thủ bữu*, nhân bản văn bản tống và đưa vào các sổ tàng thư của triều đình.⁽¹⁷⁾ Điều đáng tiếc là, những sổ tàng thư này hiện hầu như không còn dấu vết,⁽¹⁸⁾ thư tịch được lưu giữ tại những nơi này một phần bị hủy hoại, một phần bị thất tán, một phần khác may mắn hơn được thu thập và chuyển vào các thư viện của các trường đại học, viện nghiên cứu và bằng nhiều con đường, hiện nay được lưu giữ tại nhiều thư viện trong nước và quốc tế. Do đó, thật khó để chúng ta có thể biết được tại thời điểm “hưng thịnh” của nó, những cơ quan lưu trữ này đã lưu trữ những chủng loại thư tịch gì nói chung và tình hình lưu trữ kịch bản tống nói riêng. Tuy hiện không còn tồn tại nhưng một số bộ thư mục về thư tịch lưu trữ tại các cơ quan này vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay. Khó có thể nói rằng những bộ thư mục còn lại này đã phản ánh hoàn toàn đầy đủ tất cả tư liệu vốn có ở các sổ tàng thư nhưng chúng ta có cơ sở để tin rằng những bộ thư mục này đã phác họa khá rõ nét tình trạng của những trung tâm lưu trữ dưới triều Nguyễn và căn cứ vào những bộ thư mục này, diện mạo kho kịch bản tống sẽ được xây dựng gần với hiện thực nhất.

Với mục đích này, chúng tôi đã khảo sát toàn bộ những bộ thư mục của các trung tâm lưu trữ triều Nguyễn mà chúng tôi tiếp cận được. Đó là các bản thư mục lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm như: *Tàng thư lâu bạ tịch* 藏書樓簿籍, ký hiệu A. 968; *Sử quán thư mục*, ký hiệu A.112; *Sử quán thủ sách* 史館守冊, ký hiệu A.1025; *Nội các thư mục* 內閣書目, ký hiệu A.113/1-2; *Nội các thủ sách* 內閣守冊, ký hiệu A.2644; *Tụ Khuê thư viện tổng mục sách* 聚奎書院總目冊, ký hiệu A.119/1-3 và *Tụ Khuê thư viện tổng mục sách-Quốc thư bản* 聚奎書院總目冊 國書板, ký hiệu A.111; *Đông các tôn trí các bộ thư tổng mục sách* 東閣尊置各部書總目冊, ký hiệu A.110/3; *Tân thư viện thủ sách* 新書院守冊, ký hiệu A.1024; *Tân thư viện thủ sách* 新書院守冊, ký hiệu A.2645; *Cổ học viện thư tịch thủ sách* 古學院書籍守冊, ký hiệu A.2601/1-11.⁽¹⁹⁾ Một số bản thư mục khác như *Đại Nam Quốc sử quán tàng thư mục*, ký hiệu SA.HM.2185 thuộc về thư viện Hiệp hội Châu Á, Paris (Société Asiatique, Paris) và *Bí thư sở thủ sách* 秘書所守冊 hiện lưu trữ tại thư viện tư gia ông Trần Đình Sơn, TP Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, chỉ có hai bản thư mục có ghi chép về kịch bản tống là *Tân thư viện thủ sách*, ký hiệu A.1024 và *Cổ học viện thư tịch thủ sách*, ký hiệu A.2601/10. Nếu *Tân thư viện thủ sách* chỉ chép về một bộ kịch bản tống duy nhất được lưu trữ tại đây là *Vạn bữu trình tường* với 27 bản chép tay⁽²⁰⁾ thì *Cổ học viện thư tịch thủ sách* biên chép tới 52 kịch bản tống với số quyển như trong bảng so sánh dưới đây.⁽²¹⁾ Qua bảng này ta thấy vào năm 1925 (thời điểm biên soạn bộ thư mục này), số kịch bản tống triều đình lưu trữ là 52 vở với số hồi khác nhau. Thư mục cũng cho biết, trong số này có 47 bộ (82 quyển) do Bộ Học chuyển giao, 3 bộ (7 quyển) vốn là thư tịch của Tân thư viện sau chuyển cho Viện Cổ học. Đáng chú ý là bên cạnh thư tịch được lưu trữ, luân chuyển giữa các thư viện thì có 3 bộ (3 quyển) do Viện Cổ học mua được trong dân.

Như vậy, từ ngày thành lập (29 tháng 9 năm Khải Định thứ 7 1922) đến ngày 15 tháng 6 năm Khải Định thứ 8 1923, Tân thư viện được sáp nhập vào Viện Cổ học⁽²²⁾ cho đến ngày biên soạn bộ thư mục nói trên vào năm 1925, có thể nói Viện Cổ học là cơ sở lưu trữ đầu tiên đã thu thập và làm biên mục cho văn bản tổng truyền thống Việt Nam. Số phận những văn bản tổng này sau khi được chuyển cho Viện Cổ học như thế nào, hiện chưa tìm được tài liệu trực tiếp. Tuy vậy, chúng tôi đã so sánh nội dung biên mục của *Cổ học viện thư tịch thủ sách* với số thư tịch được miêu tả trong bài viết “Ghi chép về chuyến nghiên cứu tại Huế”⁽²³⁾ của Trần Kinh Hòa (陈荆和) bước đầu kết luận được rằng, ít nhất là vào năm 1944, thời điểm tác giả bài viết tiến hành chuyến nghiên cứu này, văn bản tổng của Viện Cổ học đã được chuyển về Thư viện Bảo Đại.⁽²⁴⁾ Trong trường hợp bài viết của Trần Kinh Hòa hoàn toàn bao quát được hết các văn bản tổng tại thư viện này, thì từ năm 1925 cho đến năm 1944 đã thất lạc các văn bản tổng như sau: *Đa thọ diễn truyện*, *Dương liễu hội diễn truyện*, *Long phụng kỳ duyên diễn truyện*, *Mã Long Mã Phụng diễn truyện*, *Võ đình diễn truyện*.⁽²⁵⁾ Bảng dưới đây so sánh giữa thư tịch lưu trữ năm 1925 tại Viện Cổ học và thư tịch còn được nhìn thấy tại Thư viện Bảo Đại năm 1944.

STT	Viện Cổ học (1925) ⁽²⁶⁾		Thư viện Bảo Đại (1944) ⁽²⁷⁾		
	Tên	Số quyển	Tên	Số hiệu sách	Số quyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	<i>Châu lý ngọc diễn truyện</i>	1	Như bên	440	1
2.	<i>Cổ truyện diễn nghĩa</i>	1	Như bên	471	1
3.	<i>Cốc đế diễn truyện</i>	1	Như bên	468	1
4.	<i>Đa thọ diễn truyện</i>	1			
5.	<i>Đại hùng diễn truyện</i>	1	Như bên	448	1
6.	<i>Đào Phi Phụng diễn truyện</i>	1	Như bên	443	1
7.	<i>Đình Lưu Tú diễn truyện</i>	1	Như bên	428	1
8.	<i>Đông lai tây bích diễn truyện</i>	1	Như bên	442	1
9.	<i>Dương Chấn tử diễn truyện</i>	1	Như bên	459	1
10.	<i>Dương liễu hội diễn truyện</i>	1			
11.	<i>Gia ngẫu diễn truyện</i>	4	<i>Gia kiều diễn truyện</i>	434	4
12.	<i>Giác oan diễn truyện</i>	1	<i>Giác khoan diễn truyện</i>	463	1
13.	<i>Giác sanh duyên diễn truyện</i>	1	Như bên	470	3
14.	<i>Hàm hòa diễn truyện</i>	6	Như bên	450	6
15.	<i>Hán Cao Tổ diễn truyện</i>	1	Như bên	464	1
16.	<i>Hỏa hầu tinh diễn truyện</i>	2	Như bên	466	2
17.	<i>Hoa tiên diễn truyện</i>	1	Như bên	451	1
18.	<i>Hoàn long giải hổ diễn truyện</i>	1	Như bên	427	1
19.	<i>Học lâm diễn truyện</i>	2	Như bên	444	2
20.	<i>Hồi sinh bửu diễn truyện</i>	1	Như bên	447	1
21.	<i>Kỳ sanh diễn truyện</i>	1	Như bên	465	1
22.	<i>Lý Phụng Đình diễn truyện</i>	1	Như bên	453	1
23.	<i>Lôi Phong tháp diễn truyện</i>	4	Như bên	469	4
24.	<i>Long phụng kỳ duyên diễn truyện</i>	2			
25.	<i>Lưỡng quốc trá hôn</i>	1	<i>Lưỡng cá trá hôn diễn truyện</i>	461	1
26.	<i>Lưu Thiên Tích diễn truyện</i>	1	Như bên	446	1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		14.	<i>Kinh Châu phó hội truyện</i>	1	40	Bộ này được đưa vào
		15.	<i>Lã Châu Hy truyện</i>	1	46	thư mục sách sưu tầm
		16.	<i>Lạc Phương pha truyện</i>	1	16	của Viện.
		17.	<i>Lê Ngụy Khôi truyện</i>	3	210	Khảo sát của chúng
		18.	<i>Liễu Nhữ truyện</i>		230	tôi dựa trên cơ sở bản
		19.	<i>Lưu Bình Dương Lễ ca truyện</i>	1	42	chụp do GS Nguyễn
		20.	<i>Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai truyện</i>	1	23	Văn Sâm cung cấp. ⁽³⁷⁾
		21.	<i>Lý Thiên Long truyện</i>	4	244	
		22.	<i>Mã Đẳng Long truyện</i>	3	136	
		23.	<i>Mã Sĩ truyện</i>	3	206	
		24.	<i>Nghĩa thích Nghiêm Nhan truyện</i>	1	22	
		25.	<i>Ngũ hổ bình Liêu truyện</i>	1	117	
		26.	<i>Ngự Văn Quán truyện</i>	4	54	
		27.	<i>Nhạc Hoa Linh truyện</i>	5	382	
		28.	<i>Phong lưu ca truyện</i>	1	90	
		29.	<i>Sơn hậu truyện</i>	3	200	
		30.	<i>Sự tích ra tuồng</i>	1	16	
		31.	<i>Tam cố mao lư</i>	1	96	
		32.	<i>Tam úy tân truyện</i>	2	212	
		33.	<i>Tây du Đường Tăng cầu kinh ca truyện</i>	1	52	
		34.	<i>Thạch Kim Anh truyện</i>	3	130	
		35.	<i>Thù thế tân thanh truyện</i>	6	226	
		36.	<i>Thuyết Đường truyện</i>	1	25	
		37.	<i>Tiệt giang truyện</i>	1	37	
		38.	<i>Tống Tử Minh truyện</i>	3	242	
		39.	<i>Trần Bồ ca truyện</i>	2	52	
		40.	<i>Trần Nhạc Võ truyện</i>	3	164	
		41.	<i>Trương Đồ Nhục truyện</i>	1	50	
		42.	<i>Trương Viên tiết nghĩa ca truyện</i>	1	32	
		43.	<i>Tử tình giáng thế truyện</i>	3	186	
		44.	<i>Tửu hội truyện</i>	1	32	
		45.	<i>Võ Nguyên Long ca truyện</i>	3	162	
		46.	<i>Võ Thành Lân truyện</i>	2	132	
Thư viện		47.	<i>Kim Long Xích Phụng toàn tập</i>	4	52	Theo Trương Văn Bình,
Đại học		48.	<i>Phong thần Bá Ấp khảo toàn tập</i>		18	"Sách Hán Nôm lưu giữ
Leiden,		49.	<i>Tam quốc chí quốc ngữ</i>		39	ở Thư viện Leiden (Hà
Hà Lan		50.	<i>Tam quốc chí quốc ngữ bản</i>		25	Lan)", tạp chí Hán Nôm,
		51.	<i>Tây du diễn ca nhị bản</i>		18	số 2, 1992, tr. 57-69.
Học viện		52.	<i>Đinh Lưu Tú diễn ca</i>	3	134	Theo Trần Nghĩa
Viễn Đông		53.	<i>Hoa thiên bảo diễn truyện</i>	4	136	Francois (đồng
Bác cổ		54.	<i>Lão bạng sanh châu diễn truyện</i>	2	78	biên), <i>Di sản Hán</i>
Pháp ^(*) ,		55.	<i>Tứ hải đồng xuân diễn truyện</i>		58	<i>Việt Nam thư</i>
Paris		56.	<i>Từ thắng diễn truyện</i>	3	68	yếu, Nxb Khoa
						hội, Hà Nội, 199

* École Française d'Etrême Orient.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thư viện công trong nước	Thư viện Bảo tàng Guimet, Paris (Musée Guimet)	57.	<i>Đinh Lưu Tú diễn ca</i>	3	134	
		58.	<i>Lưu Bình diễn ca</i>		30	
		59.	<i>Trần trá hôn diễn ca</i>	3	268	
	Thư viện Quốc gia, Paris (Biblio- thèque Nationale, Paris)	60.	<i>Lão bạng sanh châu diễn truyện</i>	2	50	
		61.	<i>Sãi vãi thư tập</i>		32	
		62.	<i>Tân bản đại sách thập bằng tế giang</i>		8	
		63.	<i>Toàn tập Tân bản tuyết trung hiền</i>		13	
	Thư viện Nghiên cứu Hán Nôm	64.	<i>Bạch kỳ châu</i>	1	40	
		65.	<i>Đinh Lưu Tú diễn ca</i>	3	120	
		66.	<i>Đương Dương Trường Bản⁽³⁸⁾</i>	1	13	
		67.	<i>Giang Tả cầu hôn</i>	1	17	
		68.	<i>Quận chúa quy Ngô</i>	1	12	
		69.	<i>Đường chinh Tây (hồi 17)</i>	1	106	
		70.	<i>Đường chinh Tây diễn truyện</i>		1.556	
		71.	<i>Gia ngẫu diễn truyện</i>		806	
		72.	<i>Giang lục đầu sử</i>	1	32	
		73.	<i>Hồ Thạch Phủ</i>		134	
		74.	<i>Hổ thành nhân</i>	3	150	
		75.	<i>Hoa Dung tiểu lộ</i>	1	50	
		76.	<i>Kim Long Xích Phụng toàn tập</i>	3	104	
		77.	<i>Tống Lục Văn Long diễn ca</i>	2	56	
		78.	<i>Kim thạch kỳ duyên</i>	3	94	
		79.	<i>Kim thạch kỳ duyên</i>	3	108	
		80.	<i>Lưu Bình diễn ca</i>		32	
		81.	<i>Tam quốc diễn ca (từ Tam cố thảo lư đến Đương Dương Trường Bản)</i>	4	112	
		82.	<i>Tam quốc chí (Quận chúa quy Kinh Châu)⁽³⁹⁾</i>	1	39	
		83.	<i>Tân xuất Tam quốc diễn ca (Toàn tập Giang Tả cầu hôn)</i>	1	28	
		84.	<i>Tiểu Sơn hậu diễn ca</i>		148	
		85.	<i>Trần Quảng Nhĩ diễn ca</i>		30	
		86.	<i>Trần trá hôn diễn ca</i>		82	
		87.	<i>Trung hiếu thần tiên</i>		252	
		88.	<i>Trung hiếu thần tiên</i>		150	
		89.	<i>Văn Duyên/Doan diễn hí</i>		84	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thư viện Viện Sân khấu ⁽⁴⁰⁾	90.	<i>Bắc Tống</i>		2	x	Theo Nguyễn Tô Lan,
	91.	<i>Châu Lý Ngọc</i>		1	x	"Về những bản tuồng
	92.	<i>Dương liễu tướng diễn truyện</i>		3	x	hiện lưu giữ tại Viện
	93.	<i>Dương lục sử</i>		1	x	Sân khấu Điện ảnh,
	94.	<i>Đào Phi Phụng</i>		2	x	Đại học Sân khấu Điện
	95.	<i>Điện Bắc diễn truyện</i>		x	x	ảnh Hà Nội", <i>Thông</i>
	96.	<i>Đương Dương Trường Bản</i>		1	x	<i>báo Hán Nôm học</i> năm
	97.	<i>Đường chinh Đông truyện</i> (<i>Nhơn Quý chém Nguyệt Anh</i>)		x	x	2007, Viện Nghiên cứu
	98.	<i>Đường tảo Bắc truyện</i>		11	x	Hán Nôm xuất bản, Hà
	99.	<i>Đường Thế Dân sa lầy</i>		x	x	Nội, 2008, tr. 289-295.
	100.	<i>Gia ngẫu diễn truyện</i>		6	x	
	101.	<i>Giác oan</i>		3	x	
	102.	<i>Giác sanh duyên</i>		4	x	
	103.	<i>Giác sanh duyên diễn truyện</i>		7	x	
	104.	<i>Hậu Sơn hậu</i>		x	x	
	105.	<i>Hổ thành nhân</i>		x	x	
	106.	<i>Hỏa hầu tình</i>		3	x	
	107.	<i>Hoa thiên bửu diễn truyện</i>		4	x	
	108.	<i>Hùng Văn Hùng Võ</i>		1	x	
	109.	<i>La Thông tảo Bắc</i>		1	x	
	110.	<i>Lê Ngụy Khôi truyện</i>		x	x	
	111.	<i>Long phụng</i>		4	x	
	112.	<i>Lục Vân Tiên</i>		x	x	
	113.	<i>Lưỡng quốc trá hôn</i>		x	x	
	114.	<i>Lưỡng quốc trá hôn</i>		3	106	
	115.	<i>Lưu Bình Dương Lễ diễn ca</i>		x	x	
	116.	<i>Lưu Thiên Tích</i>		x	x	
	117.	<i>Lý Phụng Đình diễn truyện</i>		1	x	
	118.	<i>Lý Thanh Phong diễn truyện</i>		2	x	
	119.	<i>Lý Thanh Phong Mai Bạch</i> <i>Tuyết diễn truyện</i>		1	x	
	120.	<i>Mã Đãng Long truyện</i>		x	x	
	121.	<i>Mã Long Mã Phụng</i>		2	x	
	122.	<i>Mã Sĩ truyện</i>		x	x	
	123.	<i>Ngọc diễm hầu</i>		2	x	
	124.	<i>Ngũ hổ bình Liêu</i>		1	x	
	125.	<i>Ngự Văn Quán</i>		3	x	
	126.	<i>Nguyễn Trãi trò</i>		x	x	
	127.	<i>Ô thước</i>		3	x	
	128.	<i>Phong thần Trầm Hương Các</i>		1	x	
	129.	<i>Phong thần truyện thập điều</i>		3	x	
	130.	<i>Quần phương tập khánh</i>		5	276	
	131.	<i>Sơn hậu</i>		3	x	
	132.	<i>Sơn hậu diễn truyện</i>		1	x	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		133.	<i>Sự thần quần tiên ca</i>	x	x	
		134.	<i>Tái sanh kỳ ngộ</i>	1	x	
		135.	<i>Tam quốc (Hoa Dung)</i>	1	x	
		136.	<i>Tam quốc (Triệu đấm cửa)</i>	1	x	
		137.	<i>Tam quốc chí (Đương Dương Trường Bản)</i>	1	x	
		138.	<i>Tam quốc chí (Tam anh chiến Lã Bố)</i>	1	x	
		139.	<i>Tam quốc chí (Tiệt giang)</i>	1	x	
		140.	<i>Tam Tư chém Nguyệt Cô</i>	1	x	
		141.	<i>Tần sinh</i>	1	x	
		142.	<i>Thanh xà bạch xà</i>	1	x	
		143.	<i>Thuyết Đường (La Thông tảo Bắc)</i>	11	x	
		144.	<i>Thuyết Đường hậu truyện</i>	33	x	
		145.	<i>Trầm Hương Các diễn truyện</i>	2	x	
		146.	<i>Trúng sự</i>	2	x	
		147.	<i>Trương Ngáo</i>	1	x	
		148.	<i>Vạn bửu trình tường</i>	1	x	
		149.	<i>Võ Nguyên Long</i>	2	x	
Thư viện Quốc gia		150.	<i>Dương Tiết diễn nghĩa</i>	x	31	Theo Ngô Đức Thọ (chủ biên), <i>Thư mục sách Hán Nôm tại Thư viện Quốc gia Hà Nội</i> , Thư viện Quốc gia xuất bản (tài liệu lưu hành nội bộ).
		151.	<i>Lưu Bình trò</i>	x	17	
		152.	<i>Mã Long Mã Phụng tân trò</i>	x		
		153.	<i>Sơn hậu diễn ca</i>	x	20	
		154.	<i>Tây du</i>	x	23	
		155.	<i>Tây du truyện</i>	x	30	
		156.	<i>Tam quốc diễn ca</i>	x	50	
Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế (Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế)		157.	<i>Bắc Tống diễn truyện</i>	1	56	Theo Nguyễn Tô Lan, "Về một vài bản tuồng mới sưu tập tại thành phố Huế", tạp chí <i>Hán Nôm</i> , số 5, 2005, tr. 69-73.
		158.	<i>Hộ sanh đàn diễn truyện</i>	1	36	
		159.	<i>Đào Phi Phụng</i>	3	72	
		160.	<i>Tống tử vân đại yến</i>	x	42	
		161.	<i>Hỏa hầu tinh</i>	1	74	
		162.	<i>Hộ sanh đàn diễn truyện</i>	1	36	
		163.	<i>Ngũ hổ bình Liêu</i>	4	22	
		164.	<i>Ngũ hổ bình Tây</i>	5	112	
		165.	<i>Quần phương tập khánh diễn truyện</i>	1	58	
		166.	<i>Tam quốc diễn truyện</i>	2	143	
		167.	<i>Thiên tống kỳ duyên</i>	1	65	
		168.	<i>Tống Thái Tổ tủy trâm Trịnh Ân diễn ca</i>	x	78	
		169.	<i>Tử Thử tại Lưu sứ quân</i>	x	1	
		170.	<i>Xích phụng nguyên</i>	1	16	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Nhà hát tuồng Trung ương (Phòng Tư liệu)	171. <i>Diễn võ đình</i> 172. <i>Giang Tả cầu hôn</i> 173. <i>Hoa Dung tiểu lộ</i> 174. <i>Hỏa hầu tình</i> 175. <i>Hoàn long giải hổ</i> 176. <i>Hổ thạch hổ</i> 177. <i>Kim Long Xích Phụng</i> 178. <i>Lạc Phụng pha sơn Bàng Thống quy vị</i> 179. <i>Lý Thiên Long</i> 180. <i>Nghĩa thích Nghiêm Nhan</i> 181. <i>Ngự Văn Quân</i> 182. <i>Nhị khí Chu Du</i> 183. <i>Ô thước</i> 184. <i>Sơn hậu</i> 185. <i>Sơn Hổ Ngạc</i> 186. <i>Thập điều diễn truyện</i> 187. <i>Tiết Đình San bái thượng hàn giang</i> 188. <i>Võ Thành Lân sự tích</i>		1 1 1 3 3 3 3 1 3 1 2 1 3 3 3 3 1 3	34 34 36 160 138 140 138 21 179 21 132 20 98 190 106 104 46 102	Phòng Tư liệu
	Nhà hát tuồng Đào Tấn (Bình Định)	189. <i>Vạn bửu trình tường</i>		3	x	Theo Vũ Ngọc Liên (chủ biên), <i>Thư mục tư liệu về Đào Tấn</i> , Sđd, tr. 65.
	Nhà hát tuồng Nguyễn Hiển Dĩnh (Đà Nẵng)	190. <i>Ngũ hổ bình Liêu diễn ca (hồi thứ 2)</i> 191. <i>Ngũ hổ bình Tây (hồi thứ 2)</i>		1 1	x x	Bảo tàng Tuồng. Chúng tôi trực tiếp khảo sát vào tháng 4 năm 2010, ngoài 2 hồi tuồng (không còn nguyên vẹn) còn có truyện thơ Nôm <i>Lục Vân Tiên, Lâm sanh Xuân nương</i> v.v...
	Cục Lưu trữ Trung ương II	192. <i>Vạn bửu trình tường</i>		3	x	Chúng tôi trực tiếp khảo sát vào năm 2009.
	Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Bình Định	193. <i>Hộ sanh đàn diễn truyện</i> 194. <i>Trầm Hương Các đệ nhị⁽⁴¹⁾</i> 195. <i>Hoàng Cồn đệ tam⁽⁴²⁾</i>		1 1	x 13 18	Chuyển dẫn theo Vũ Ngọc Liên (sưu tầm), <i>Đào Tấn và tuồng hát bội</i> , Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2005
	Văn Miếu Hà Nội	196. <i>Hán Sở tranh hùng</i> 197. <i>Sơn hậu</i>		x x	38 28	Tủ sách Hán Nôm, Văn Miếu Hà Nội.
Tư gia	Nhà nghiên cứu Phan Thuận An (Huế)	198. <i>Thiên tống kỳ duyên</i>		2	41	Theo Nguyễn Tô Lan, "Về một vài bản tuồng mới sưu tập tại thành phố Huế", tạp chí <i>Hán Nôm</i> , số 5, 2005, tr. 69-73.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	GS Nguyễn Văn Sâm (Hoa Kỳ)	199.	<i>Vạn bửu trình tường</i>	1	126	Tài liệu do GS cung cấp.
		200.	<i>Tam quốc chí</i> ⁽⁴³⁾	31		Sưu tầm cá nhân
		201.	<i>Tây du ký</i> ⁽⁴⁴⁾	9		Sưu tầm cá nhân
		202.	<i>Đường Lý Đán diễn ca</i> ⁽⁴⁵⁾	1	30	
		203.	<i>Kim Long Xích Phụng</i>	3		
		204.	<i>Lôi Phong Tháp kỳ truyện (hệ bản A)</i> ⁽⁴⁶⁾	5		Sưu tầm cá nhân
		205.	<i>Lôi Phong Tháp kỳ truyện (hệ bản B)</i> ⁽⁴⁷⁾	4		
		206.	<i>Trương Đồ Nhục</i>	1		
		207.	<i>Văn Doan diễn hý đệ nhị bản</i>	1		Nhận được từ ông Tường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tháng 5/2008.
	Gia đình ông Quách Tấn (Nha Trang) ^(*)	208.	<i>Lý Phụng Đình</i>	1	19	Tổng hợp theo Đào Tấn và hát bội Bình Định, Quách Tấn, Quách Giao, Nxb Văn hóa Dân tộc, H, 2007, 532 tr.
		209.	<i>Quần phương tập khánh diễn truyện</i>	1	25	
	Gia đình ông Bửu Thủ (Bình Định) ^(**)	210.	<i>Ngũ hổ bình Liêu</i>	3	246	Chuyển dẫn theo Đào Tấn và hát bội Bình Định, Sdd.
		211.	<i>Hoàng thúc nhập nhoái (nhuế)</i>	3	45	

* Gia đình ông Quách hiện còn lưu trữ một số bản tuồng đã được phiên sang Quốc ngữ như: *Liệu đồ* (1 hồi), *Tân Dã phân binh* (1 hồi), *Trầm Hương Các* (1 hồi), *Cổ thành hội* (1 hồi), *Hộ sanh đàn* (1 hồi), *Vạn bửu trình tường* (hồi 39, 41, 42), *Cổ miếu văn ca* (1 hồi), *Diễn võ đình* (1 hồi), *Lý Phụng Đình* (1 hồi), *Tiết Cương phá Thiết Ngưu Phần* (1 lớp), *Phục Hoa Dung đạo* (1 hồi), *Sách Kinh Châu* (1 hồi), *Gián thập điều* (3 hồi), *Nhị độ mai* (7 hồi), *Sanh tài tá quốc* (1 hồi), *Kỷ Thu Văn thọ nạn* (1 hồi), *Tống Thái Tổ trăm Trịnh Ân* (1 hồi). Một số bản là bản chép tay của bà Đào Chi Tiên (con gái Đào Tấn).

** Gia đình ông Bửu Thủ giữ được một số bản Quốc ngữ: *Ngọc kính đăng* (2 hồi), *Đào Phi Phụng* (3 hồi), *Tái sanh kỳ ngộ* (4 hồi), *Bích hà giáng tuyết* (1 hồi), *Thọ lão ông* (3 hồi).

Trong bảng thống kê này, tiêu chí thống kê là văn bản kịch bản tuồng hiện tồn tại các nơi lưu trữ. Trên thực tế, một kịch bản tuồng truyền thống có nhiều truyền bản, các truyền bản được lưu trữ tại các nơi khác nhau. Nhiều trường hợp, một kịch bản tuồng bị tách thành nhiều hồi, các hồi lại cũng được phân tán lưu trữ ở nhiều nơi. Có khi, tuồng chừng cùng là một kịch bản, dùng cùng một chất liệu nội dung để sáng tác nhưng lại là hai hệ văn bản khác hẳn nhau. Đây là trường hợp của hai tuyến kịch bản sử dụng chất liệu của *Tam quốc chí*. Một tuyến là các trích đoạn riêng biệt, hoàn chỉnh một tích truyện như *Giang Tả cầu hôn*, *Tiết giang*, *Hoa Dung tiểu lộ* v.v..., những trích đoạn này tồn tại như một vở độc lập, thường được diễn trong một đêm, chúng được nhóm lại với nhau vì cùng khai thác các tích truyện của *Tam quốc chí*. Tuyến thứ hai là pho tuồng trường thiên có tên là *Tam quốc chí* gồm hơn 114 hồi liên tiếp bám sát theo nội dung của *Tam quốc chí*,⁽⁴⁸⁾ các hồi liên hệ chặt chẽ với nhau về nhiều mặt, thường dùng để đọc như một tác phẩm văn học hơn là dùng để diễn. Do thực trạng lưu trữ phức tạp và công việc đọc duyệt các văn bản này không phải chỉ

trong một sớm một chiều nên ở đây chúng tôi lấy tiêu chí thống kê là *văn bản kịch bản tuồng truyền thống* chứ không phải là kịch bản tuồng thực tế. Như vậy, số kịch bản tuồng thực tế sẽ ít hơn nhiều so với số văn bản kịch bản tuồng truyền thống (một kịch bản tuồng có thể có nhiều truyền bản được lưu trữ ở nhiều nơi, hoặc chỉ có một văn bản nhưng được chia thành nhiều phần, lưu trữ ở những nơi khác nhau...).

Trong bảng thống kê này, chúng tôi thu thập cả những kịch bản tuồng truyền thống mang tính “lưỡng loại” Tức là cùng một kịch bản có thể được dùng làm cơ sở để biểu diễn tuồng và chèo. Có thể kể đến những vở như *Trương Viên tiết nghĩa diễn ca*, *Lưu Bình-Dương Lễ diễn ca*...

Cũng qua bảng thống kê này, chúng ta có thông tin về 211 kịch bản tuồng ở 19 cơ sở lưu trữ (trong nước và ngoài nước, công cộng hay tư nhân). Trong số này có nhiều kịch bản cùng thuộc về một vở như *Đinh Lưu Tú diễn ca* được lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Bảo tàng Guimet (Paris), hai bản này một bản in ở Trung Quốc, một bản được chép tay lại, sai khác không nhiều; hoặc như vở *Quần phương tập khánh (đệ nhất hồi)* hiện còn 3 văn bản ở ba nơi là Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế, Viện Sân khấu (Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh), tư gia ông Quách Tấn, trong đó đáng chú ý là, theo chỉ dẫn của ông Quách Tấn trong *Đào Tấn và hát bội Bình Định* thì rất có thể bản ông đang giữ là bản gốc...⁽⁴⁹⁾ Nhìn vào đầu mục kịch bản tuồng hiện còn, chúng ta thấy so với 52 vở tuồng được lưu giữ vào thời Nguyễn thì hiện tại còn giữ được 25 vở, ngoài ra những vở khác cũng đã được sưu tầm và nhân bản thêm, để có được con số ban đầu theo thống kê trên là 211. Việc nghiên cứu văn bản học của những văn bản này cần nhiều thời gian và công sức, nhất là trong tình trạng văn bản phân tán tại nhiều nơi, khó có thể trong một lúc mà bao quát hết được.

Trên cơ sở bảo tồn nhà nước và bảo tồn tư nhân, kịch bản tuồng đã có thể được lưu truyền đến ngày nay, cho dù số phận của kịch bản tuồng truyền thống cũng như số phận của thư tịch Hán Nôm nói chung gặp khá nhiều bước truân chuyên. Như một quy luật, thư tịch qua các đời không ngừng nảy sinh cái mới và những cái cũ cũng dần dần tàn khuyết hoặc mất mát hẳn đi. Cách đây mấy trăm năm, Phan Huy Chú cũng đã từng than cho số phận thư tịch Hán Nôm nước nhà: “Than ôi! Sách vở các triều từng tản mất, sách mất đi đã khó sưu tầm; sách còn lại, lại nhiều sai lầm, dằng dẳng ngàn năm, biết theo vào đâu mà khảo đính?”⁽⁵⁰⁾ Kịch bản tuồng, một bộ phận của thư tịch Hán Nôm hẳn cũng không nằm ngoài quy luật đó. Năm 1923, Đạm Phương nữ sử trong bài viết “Lược khảo về tuồng hát An Nam” nêu rõ thực trạng: “... không những đã ít người biết xem tuồng, mà tuồng cũng hao mòn không thành thiên thập cho người ta xem.” Đến như “Bộ tuồng *Vạn bửu trình tường* là một bộ tuồng có giá trị đặc sắc hơn hết trong các thứ tuồng, hỏi đến làng văn thơ Nôm không người nào là không biết cái tên vẻ vang ấy, nhà nào tấn thân sang trọng lại không trân tàng một vài chục quyển, đến bây giờ khó lòng mà kiếm được cho ra

năm ba quyển, hướng hồ toàn bích, ấy thế mới nên tiếc cho chưa!” Thời phong kiến, thời mà tuồng còn thịnh hành như là món ăn tinh thần số một của toàn dân mà số phận còn như vậy, trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, khi mà vấn đề giải phóng đất nước, độc lập dân tộc được đặt lên trên hết, lại thêm nhiều chính sách về văn hóa do hạn chế của lịch sử đã không tạo điều kiện cho sự tồn tại và truyền thừa của kịch bản tuồng, kịch bản tuồng bị vứt xó mặc cho mục nát, bị thiêu hủy, “có người đã đem cả bộ kịch bản tuồng bán cân cho người ta dùng làm giấy cuộn thuốc lá. Đau xót biết bao.”⁽⁵¹⁾ Mặc dù vậy, sự hiện tồn của kịch bản tuồng truyền thống ngày nay ngoài số đã bị hủy hoại không thể tìm lại được, phần còn lại bằng nhiều con đường đã có mặt trong các trung tâm lưu trữ trong và ngoài nước, hoặc tư gia đã chứng minh rằng những cố gắng của con người qua các đời đã không uổng phí. Nói tiếp tiền nhân, chúng tôi mong muốn có thể đưa ra một cái nhìn chân thực về tình trạng văn bản tuồng truyền thống hiện nay. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng chúng tôi chỉ có thể tiếp cận được một số thư viện chính, và một số tư gia. Tuy vậy, như đã nói ở phần trên, chúng tôi từ trong những thông tin ít ỏi có được, mong muốn dựng lên một cách cơ bản diện mạo của những kịch bản tuồng hiện còn⁽⁵²⁾ ngõ hầu giúp ích gì đó cho văn chương tuồng hát nước nhà.

N T L

CHÚ THÍCH

- (1) Dẫn theo Đạm Phương nữ sử, “Lược khảo về tuồng hát An Nam”, tạp chí *Nam phong*, số 76, 1923, tr. 303-307
- (2) Theo Đoàn Nồng, *Sự tích và nghệ thuật hát bội*, Mai Lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1943, tr. 29: “Diễn Khánh Vương, con đức Gia Long có soạn đã hai phần ba bộ tuồng *Vạn bửu trình tuồng* và *Lý Phụng Đình*”
- (3) Theo Tôn Thất Bình, *Tuồng Huế*, Nxb Trẻ, TP HCM, 2006, 257 trang, tr. 137-139.
- (4) Biên soạn dựa theo kịch bản vở *Le Cid* của Corneille (Pháp). Xem: Triệu Xuân sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, *Ung Bình, cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Văn học, 2008, tr. 665-729.
- (5) Được giới thiệu trong Hoàng Châu Ký, *Tuồng truyền thống*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1978, 390 trang.
- (6) Lê Ngọc Cầu (biên khảo), *Tuồng hài*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1980, 307 trang.
- (7) *Đình Lưu Tú diễn ca*, Đỗ Nhật Tân (phiên âm và chú giải), Tủ sách Cổ văn - Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, 276 trang và 120 trang phụ lục nguyên bản chữ Nôm của bản in năm 1894 tại Bảo Hoa Các, Phật Trấn, Trung Hoa.
- (8) *Trần trá hôn diễn ca*, Phan Vọng Húc (phiên âm và chú giải), Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, 186 trang, 82 trang phụ lục nguyên bản chữ Nôm, mộc bản khắc năm Quang Tự Mậu Thân (1908), Phụng du lý Minh Chương hiệu đính chính, Việt Đông Phật Trấn Anh Văn Đường tàng bản.
- (9) *Sơn hậu diễn truyện*, Hoàng Văn Hòe (phiên âm và chú giải), Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, 223 trang và CXXXII trang phụ lục nguyên bản chữ Nôm bản viết tay của Trần Hữu Hiên năm Khải Định thứ 2 (1917).
- (10) Đỗ Nhật Tân (phiên âm và chú giải), *Tuồng hát bội, Hâm hòa diễn truyện*, Tủ sách Cổ văn Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1971.

- (11) Huỳnh Mẫn Đạt, *Tổng Kim thạch kỳ duyên*, Chủ trương xuất bản một món gia bửu: Ông Ngô Ngọc Đồng; Chuyên phiên dịch Quốc âm ra Quốc ngữ: Ông Minh Tài Đặng Văn Ký, Nxb Cổng Quỳnh, 254 đường Cổng Quỳnh, Sài Gòn, 1970.
- (12) Còn như một số bản phiên âm như tổng *Kim Vân Kiều*, *Ngũ hổ bình Tây*... vì không in kèm nguyên bản Hán Nôm nên chúng tôi không kể vào đây.
- (13) Nguyễn Q. Thắng (phiên âm và khảo đính), *Bùi Hữu Nghĩa và Kim thạch kỳ duyên*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1993, 491 trang (kể cả phụ lục nguyên bản chữ Hán).
- (14) Ở bài viết này chúng tôi không đề cập đến những xuất bản phẩm về tổng là văn bản hóa lời đọc của nghệ nhân mà không căn cứ vào kịch bản Hán Nôm như một loạt các bản tổng được giới thiệu trong những năm 80, 90 của thế kỷ 20 và các bộ tổng tập văn học như *Tổng tập văn học dân gian Việt Nam*, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*...
- (15) Số lượng các vở tổng còn khá nhiều, ngoài ra, một vở tổng còn có nhiều truyền bản khác nhau, có truyền bản chỉ là bản sao chép có sửa chữa, có truyền bản là dị bản rất đáng giá, phản ánh tính chất riêng của tổng từng vùng, miền, địa phương.
- (16) Từ khi lập nước năm 1802 đến lúc cáo chung năm 1945 nhà Nguyễn đã xây dựng được 5 nhóm thư viện chính là Thư viện Quốc Sử Quán, Lầu Tàng thư, Thư viện Đông Các (bao gồm Thư viện Tự Khuê), Tân thư viện (sau là Thư viện Bảo Đại), Viện Cổ học. Xem thêm: Nguyễn Tô Lan, "Lược khảo về thư viện công Việt Nam thời phong kiến", tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 9 (401); số 10 (402), 2009.
- (17) Trong số 46 bản tổng hiện lưu trữ tại British Museum, chúng tôi khảo sát thấy có 7 bản có ghi là Lê Quý phụng tả 黎贵奉寫 (Lê Quý vâng lệnh chép): *Lưu Bình-Dương Lễ ca truyện*, *Ngũ hổ bình Liêu truyện*, *Ngự Văn Quân truyện*, *Phong lưu ca truyện*, *Tây du Đường Tăng cầu kinh ca truyện*, *Trương Viên tiết nghĩa ca truyện* và *Võ Nguyên Long ca truyện*. (Theo Hồ Hữu Tường trong "Hát bội", nguyệt san *Phương Đông*, số 4, 1972, tr. 309-310 thì các bản này đều do Lê Quý chép lại theo lệnh của vua Tự Đức. Theo khảo sát của chúng tôi chỉ có dấu hiệu cho thấy có 7 vở trong số 46 vở đó là do Lê Quý vâng lệnh chép lại mà thôi). Bài được chia thành nhiều kỳ, đăng rải rác trong năm này.
- (18) Lầu Tàng thư nay chỉ còn là một dãy nhà hiện đang xuống cấp bên hồ Học Hải, một số cơ quan đã chấm dứt hoạt động cùng với thể chế sinh ra nó vào mùa thu năm 1945 như trường hợp của Nội Các, Quốc Tử Giám... có chăng còn lại chỉ là một số công trình kiến trúc vốn là cơ quan lưu trữ nay đã được thay đổi mục đích sử dụng như Tân thư viện nay được dùng làm Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế...
- (19) Qua khảo sát văn bản chúng tôi thấy rằng bản A. 2601/11 là bản chép lại trung thành bản A. 2601/10, vì vậy từ đây về sau chỉ xin dẫn ký hiệu bản A.2601/1-10. Trong 10 tập này, chỉ có bản A. 2601/10 là có biên chép về kịch bản tổng.
- (20) Theo *Tân thư viện thủ sách*, ký hiệu A.1024, tr. 228b, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- (21) Xem thêm, Nguyễn Tô Lan, "Về kịch bản tổng tại Viện Cổ học (Huế) năm 1925", tạp chí *Nghệ thuật sân khấu điện ảnh*, số 13, 2008, tr. 20-25. Bản thư mục thống kê tên 53 đầu sách, tuy vậy, theo chúng tôi có khả năng *Vạn bửu trình tường truyện* ký là bản ghi lại cốt truyện của vở *Vạn bửu trình tường diễn truyện* nên không tính vào số lượng kịch bản. Khi có điều kiện, chúng tôi xin bàn thêm về vấn đề này.
- (22) Phạm Văn Khoái, "Hai công văn thiết lập Viện Cổ học buổi sơ kỳ", tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (99), 2010, tr. 3-12.
- (23) Trần Kinh Hòa, "Thuận Hóa thành nghiên cứu lý hành tạp ký" 顺化城研究旅行杂记, in trong *Văn hóa Đài Loan*, quyển 3, kỳ 5, Đài Loan văn hóa hiệp tiến hội xuất bản năm 1948, tr. 13-17.
- (24) Ngày 24 tháng 8 năm 1923 sách vở, tài liệu vốn lưu trữ trong Tân thư viện được chuyển sang tòa nhà phía trước bên trái Di Luân Đường (thuộc khuôn viên Quốc Tử Giám) và đổi tên thành Thư viện Bảo Đại. Thư viện Bảo Đại hoạt động từ năm 1923 đến đầu năm 1947. Năm 1932, vua Bảo Đại chuẩn cho di chuyển thư tịch, tài liệu Hán Nôm trân tàng tại tòa Đông

Các, Thư viện Tự Khuê ra lưu trữ ở Thư viện Bảo Đại. Trong thời gian gần ¼ thế kỷ nhất là từ những năm đầu của thập niên 40, vì nhiều lý do mà những sổ sách và tư liệu ở các thư viện khác ở Huế lần lượt được tập trung tại Thư viện Bảo Đại dưới sự quản lý của Viện Văn hóa Trung Kỳ (còn gọi là Viện Văn hóa Trung Việt hay Trung phần) được thành lập vào khoảng đầu thập niên 1940. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, tất cả các sổ sách văn thư ở Tòa Khâm sứ Huế và sách vở ở một vài thư viện khác của người Pháp nằm bên bờ nam sông Hương đều được chở bằng xe hạng nặng, đưa qua tập trung tại Thư viện Bảo Đại. Không rõ số thư tịch tại Viện Cổ học được đưa sang Thư viện Bảo Đại chính xác vào thời gian nào. Theo Đào Duy Anh: “Về phương diện tài liệu lịch sử Việt Nam thì ở Huế có Thư viện Bảo Đại có chứa những sách cũ của Nội Các trong Hoàng thành được tập hợp từ thời Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Kể tài liệu chính thức về lịch sử nhà Nguyễn thì thư viện ấy có tương đối đầy đủ” (Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Trẻ, TP HCM, 1989, tr. 66). Về hoạt động của các thư viện triều Nguyễn và các bộ thư mục của nó, xin xem thêm Nguyễn Tô Lan, “Lược khảo về thư viện công Việt Nam thời phong kiến”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 9 (401); số 10 (402), 2009.

- (25) Ngoài ra, còn có một số sai khác về tên gọi như *Giác khoan diễn truyện* thay vì *Giác oan diễn truyện* (Viện Cổ học), *Hiếu nhân báo nghĩa* thay vì *Nô nhân báo nghĩa* (Viện Cổ học), *Gia kiêu diễn truyện* thay cho *Gia ngẫu diễn truyện* (Viện Cổ học) v.v..., theo chúng tôi có khả năng cao là do nhầm lẫn khi biên chép hoặc chế bản. Về mặt bản chất, vẫn là một văn bản mà thôi.
- (26) Theo thống kê của chính các soạn giả của *Cổ học viện thư tịch thủ sách*, số quyển trong mục sách “Diễn truyện” này tổng cộng có 82 quyển. Tuy vậy, khi cộng số quyển của 53 đầu sách thì chỉ có 81 quyển mà thôi. Có lẽ soạn giả hoặc đã thống kê chưa chính xác, hoặc đã quan niệm quyển *Di tình* phụ chép trong *Tống Nhạc Phi diễn truyện* là 1 quyển riêng biệt. Riêng trường hợp *Lý Phụng Đình diễn truyện* nguyên tác không ghi số quyển, chúng tôi tạm cho quyển này là 1 quyển vì có số hiệu thư viện riêng.
- (27) Trong đó, theo Trần Kinh Hòa, bdd, tr. 15, bản *Đinh Lưu Tú diễn truyện*, *Hoa tiên diễn truyện*, *Tam quốc diễn truyện*, *Thạch Sanh diễn truyện*, *Trung hiếu thần tiên diễn truyện* tại Thư viện Bảo Đại lúc bấy giờ còn có bản diễn ca với tên gọi tương tự (theo nghiên cứu của chúng tôi thì dù diễn ca hay diễn truyện thì những tác phẩm được nói đến ở đây vẫn là bản tuồng); Các bản *Sơn hậu diễn ca*, *Tam quốc diễn ca* tại thời điểm ấy đã được sao chép thêm 1 bản tàng trữ tại Học viện Viễn Đông (EFEO). Các học giả Hán học của Học viện Viễn Đông đã tới nghiên cứu tại Thư viện Bảo Đại và sao chép nhiều thư tịch lưu trữ tại đây.
- (28) Năm 1886, tức là trước khi các bộ thư mục trên ra đời, học giả Trương Vĩnh Ký trong *Hát, lý, hò An Nam* (Bản in thạch bản, Trương Vĩnh Ký (Pétrus), Sài Gòn, 1886. Chuyển dẫn theo Lê Văn Chiêu, *Nghệ thuật sân khấu hát bội*, Nxb Trẻ, TP HCM, 2008, 327 trang) đã liệt kê tên 114 vở tuồng nhưng không ghi rõ xuất xứ văn bản cũng như nơi lưu trữ, vì vậy không thể xác định sự hiện tồn của các văn bản này tại thời điểm đó. Cũng tương tự như vậy, Đạm Phương nữ sử trong “Lược khảo về tuồng hát An Nam”, bdd, đã liệt kê tên 43 vở tuồng.
- (29) Xem chú thích (9).
- (30) Vũ Ngọc Liễn (chủ biên), Bùi Lợi, Mạc Côn, Ngô Quang Hiến, *Thư mục tư liệu về Đào Tấn*, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nghệ Bình, Sở Văn hóa và Thông tin Nghệ Bình, Nhà hát tuồng Nghệ Bình xuất bản, 1985.
- (31) Hiện nay, theo thông tin của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I thì ở đây có hơn 600 đầu sách, 1.400 tập, có nhiều sách quý như sách ngự chế v.v... chia theo kích thước thành 3 số ký hiệu là HL; HN; HN. (Cục Lưu trữ Nhà nước và Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Tuyển tập những bài công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I*, Hà Nội, 2000). Số tài liệu chuyển ra từ Trung tâm Lưu trữ II này hiện đang trong quá trình đăng ký số hiệu để phục vụ độc giả. Khi được tiếp cận kho tư liệu này, chúng tôi xin bổ sung sau.
- (32) Theo Nguyễn Lộc, *Từ điển nghệ thuật hát bội*, Nxb Khoa học xã hội, 1998, tr. 170. Đoàn hát bội Đồng Hỷ Ban được thành lập vào khoảng năm 1947, 1948. Đồng Hỷ Ban hoạt động khoảng 12 năm tại rạp Đồng Xuân Lâu. Ông Hoàng Ngọc Cơ là con nuôi bà Tuấn vũ Đặng

Ngọc Oánh, người đứng ra tổ chức rạp hát này. Đây được coi là một trong những rạp hát có hoạt động sôi nổi và lâu dài nhất trong các rạp ở Huế.

- (33) Xin xem bảng thống kê văn bản kịch bản tuồng cổ hiện tồn.
- (34) Đạm Phương nữ sử, "Lược khảo về tuồng hát An Nam", bđd, tr. 307.
- (35) Vì điều kiện có hạn, chúng tôi chỉ có thể khảo sát trực tiếp những văn bản tại: Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Phòng Tư liệu Nhà hát tuồng Trung ương, Văn Miếu Hà Nội, Nhà hát Cung đình Huế, tư gia nhà nghiên cứu Phan Thuận An, thông tin về một số nơi lưu trữ như các thư viện ở nước ngoài, tư gia ông Quách Tấn, ông Bửu Thủ và một số văn bản được GS Nguyễn Văn Sâm gửi tặng... được chúng tôi dẫn theo tài liệu nghiên cứu của các học giả, những trường hợp này chúng tôi có ghi chú rõ ràng. Khi có cơ hội khảo sát trực tiếp chúng tôi xin được bổ sung sau. Một số thông tin về các bản tuồng này đã được tổng hợp và giới thiệu qua các công bố của chúng tôi mà gần đây nhất là bài viết "Phục dựng và bảo tồn tuồng cổ qua hướng khai thác các văn bản tuồng Hán Nôm", công bố tại Tiểu ban Văn học và Nghệ thuật Việt Nam, Hội nghị quốc tế về Việt Nam học tháng 12 năm 2008, <http://tainguyenso.vnu.edu.vn/jspui/handle/123456789/6411>
- (36) Hiện chưa tìm thấy bản này trong kho sách sưu tầm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- (37) Nhân đây, xin chân thành cảm tạ Giáo sư.
- (38) Hồi này nằm trong văn bản *Trùng tương tân lục*, ký hiệu của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm là AB.492. Trong sách này, sau *Trùng tương tân lục* có phụ chép thêm một số hồi của kịch bản tuồng *Tam quốc chí*. Từ trang 21 đến trang 33 có chép nội dung của hồi *Đương Dương Trường Bản* nhưng không có tiêu đề, chúng tôi tạm đặt như trên.
- (39) Hồi này nằm trong văn bản *Trùng tương tân lục*, sdd, từ trang 49 đến trang 70. Bao gồm hai phần *Quận chúa quy Ngô* và nội dung của tích truyện *Ngũ quan trảm tuồng* (tích Quan Công qua năm ải chém sáu tướng) nhưng không phân biệt rõ từng phần, lại không có tiêu đề cho phần này, vì vậy chúng tôi thống kê chung vào hồi *Quận chúa quy Ngô*.
- (40) Do quy định về khai thác tài liệu Hán Nôm của Viện Sân khấu và Điện ảnh nên chúng tôi mới trực tiếp khảo sát kỹ lưỡng 3 vở tuồng là *Lưỡng quốc trá hôn*, *Quần phương tập khánh*, *Vạn bửu trình tường*. Những vở còn lại, vì chưa có điều kiện làm việc cụ thể với từng văn bản, tạm thời chúng tôi căn cứ trên sổ đăng ký tài liệu đặc biệt của Viện.
- (41) Niên đại văn bản: Bảo Đại nhị niên (1927).
- (42) Còn có tên *Hoàng Phi Hồ quá Giới Bài quan*, cùng niên đại Bảo Đại nhị niên (1927).
- (43) GS Nguyễn Văn Sâm đã thu thập được 33 hồi (18, 28, 31, 32, 33, 37, 38, 40, 43, 44, 46, 51, 52, 54, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 69, 70, 75, 78, 84, 86, 88, 89, 94, 105, 108, 110, 114) của tuồng trường thiên *Tam quốc chí* trong đó có hồi 70 và 110 là do chúng tôi cung cấp cho GS (đã thống kê ở cơ sở lưu trữ khác là Thư viện Leiden và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế) vì vậy trong bảng thống kê chúng tôi chỉ ghi nhận 31 hồi là do GS sưu tập. GS Nguyễn Văn Sâm đã bỏ công phiên âm hết các hồi này, chia thành 4 quyển, chúng tôi cũng có vinh dự được GS gửi tặng một bộ này. Hy vọng trong tương lai gần sẽ có các bậc Mạnh Thường Quân yêu thích tuồng cổ nước nhà tạo điều kiện cho bản phiên âm nói trên ra mắt độc giả, để cho người hậu thế hay biết cái tinh túy của người xưa.
- (44) GS Nguyễn Văn Sâm đã thu thập được 9 hồi vở tuồng trường thiên *Tây du ký* là 3, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 16. GS cũng đã phiên âm toàn bộ và lưu hành trong một số bè bạn quan tâm.
- (45) Còn gọi là *Phụng Kiều-Lý Đán*, GS Nguyễn Văn Sâm sao lại từ tư liệu của GS Nguyễn Khắc Kham, Hoa Kỳ.
- (46) Gồm các hồi 1, 2, 3, 5, 6.
- (47) Gồm các hồi 4, 5, 7. 11. Theo GS Nguyễn Văn Sâm, có khả năng vở tuồng này chỉ dừng lại ở 12 hồi. Cần nói thêm, thư viện tư gia của GS Nguyễn Văn Sâm hiện còn một số vở tuồng chưa thống kê, GS đã hứa bỏ thời gian giúp chúng tôi làm việc này. Khi có được kết quả chúng tôi xin bổ sung sau.

- (48) Hiện tại, văn bản sưu tầm được dừng lại ở hồi 114, tuy vậy theo chúng tôi, vở tuồng trường thiên này có khả năng còn kéo dài hơn nữa do hồi 114 mới dừng lại ở trường đoạn: "Tào Mai khu xa, tử nam khuyết; Khương Duy khí lương, thắng Ngụy binh"
- (49) Quách Tấn-Quách Giao, *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, sđd, tr. 366.
- (50) Bài tựa thiên Văn tịch chí của Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, q. 42, bản dịch của Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, 405 trang, tr. 43.
- (51) *Lịch sử sân khấu Việt Nam*, sđd, tập 1, tr. 32.
- (52) Ngoài những văn bản đã được chúng tôi đưa vào bảng thống kê, còn một số văn bản Hán Nôm tuồng được in làm phụ lục sau một số sách phiên âm, chú giải đã được xuất bản như trường hợp của các tuồng *Sơn hậu*, *Hàm hòa diễn truyện*, *Kim thạch kỳ duyên*, *Trần trá hôn diễn ca...* nhưng vì chưa trực tiếp khai thác được văn bản gốc nên chúng tôi tạm thời chưa thống kê vào đây. Chúng tôi sẽ bổ sung khi có điều kiện.

TÓM TẮT

Tuồng là bộ môn nghệ thuật sân khấu có quá trình phát triển dài lâu và là món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt trong nhiều thế kỷ. Dưới thời phong kiến, nhờ sự tham gia sáng tác của nhiều thế hệ Nho sĩ nên kịch bản tuồng truyền thống có số lượng vở khá lớn với nội dung phong phú, phản ánh nhiều vấn đề văn hóa-xã hội, trở thành một bộ phận quan trọng trong di sản văn hóa nước nhà nói chung và lịch sử tuồng Việt Nam nói riêng. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, số phận của kịch bản tuồng truyền thống cũng như số phận của thư tịch Hán Nôm nói chung gặp nhiều bước truân chuyên và bị mai một, thất tán khá nhiều. Dựa vào nhiều nguồn tư liệu khác nhau, tác giả bài viết bước đầu thống kê được 211 kịch bản tuồng truyền thống hiện đang được lưu giữ ở 19 cơ sở lưu trữ (trong nước và nước ngoài, công cộng hay tư nhân), từ đó tái hiện được phần nào diện mạo của một bộ môn nghệ thuật đặc sắc từng vang bóng một thời.

ABSTRACT

TRADITIONAL VIETNAM ASPECT OF VIETNAMESE "TUỒNG" SCENARIOS

"Tuồng" (Vietnamese classical drama) has had a long process of development and has also been the indispensable spiritual food of Vietnamese people for centuries. Under feudalism, thanks to the creation of generations of Confucian scholars, there were a number of considerable traditional "Tuồng" scenarios with various contents which reflected many cultural and social issues, and became an important part of the national cultural heritage in general and the Vietnamese history of "Tuồng" in particular. Through the vicissitudes of history, traditional "Tuồng" scenarios as well as Sino-Nôm bibliographies met with the same fate and so many of them were lost in oblivion. Based on many different sources, the author initially enumerated 211 "Tuồng" scenarios kept in 19 archive storage facilities (at home and abroad, public or private), which partly restored the aspect of a special genre of the resounding classical drama in the past.

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

NHỮNG GHI CHÉP LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM TRONG PHƯƠNG CHÍ TRUNG HOA (Tiếp theo)

Phạm Hoàng Quân*

LTS: Khảo luận này là một phần trong công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Hoàng Quân. Nội dung chủ yếu của công trình là khảo chứng những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong các bộ *chính sử*, *phương chí* và *địa đồ cổ* của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Mục đích của công trình một mặt nhằm sưu tập và khảo chứng các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông để phục vụ lâu dài cho việc nghiên cứu về biển, đảo Việt Nam, mặt khác, nó còn cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống về cương vực vùng biển cực nam của Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, người đọc dễ dàng nhận thấy các yêu sách của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay về đường lưỡi bò trên biển Đông là hoàn toàn không có căn cứ lịch sử. Phần đầu của công trình này với nhan đề “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (84). 2011; Kỳ 1 và 2 của Phần 2: “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong phương chí Trung Hoa” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (86) và số 4 (87). 2011.

IV. Địa phương chí

Địa phương chí liên quan trực tiếp đến vùng biển nam Trung Hoa là các phủ chí Quỳnh Châu. Theo biên chép trong *Dư địa kỷ thắng* (1221) thì vùng đảo này đã có chuyên thư về địa lý khá sớm, sách *Quỳnh quán chí* mà Vương Tượng Chi trích lục chỉ ít cũng ra đời sớm hơn *Dư địa kỷ thắng* vài mươi năm, cơ quan “Quỳnh quán an phủ đô giám” được thiết lập vào năm Tuyên Hòa thứ 5 (1123) và tên sách được đặt theo tên cơ quan này.⁽¹⁰⁵⁾

Trong *Quảng Đông thông chí*, quyển 63-Nghệ văn chí, thấy Quách Phi chép tên ba bộ, một bộ viết trong thời Nguyên là *Quỳnh Hải phương dư chí* 瓊海方輿志 của Sái Vi 蔡微; hai bộ thời Minh là *Quỳnh Đài ngoại kỷ*, 5 quyển 瓊臺外紀 五卷 của Vương Tá 王佐⁽¹⁰⁶⁾ và *Quỳnh Đài chí* 瓊臺志 của Đường Tru 唐胄.⁽¹⁰⁷⁾

Trong thời Thanh, phủ chí Quỳnh Châu được biên soạn và bổ biên nhiều lần. Dựa vào bộ *Quỳnh Châu phủ chí*, 44 quyển, 1 quyển *Thủ*, do Long Bản bổ san năm 1890 qua các lời Tựa được sưu tập trong bộ này - cho thấy trước Long Bản đã có các bộ của Ngưu Thiên Túc (1676), Giả Đường (1706), Tiêu Ứng Thực (1774), Minh Nghị (1836), Trương Nhạc Tung (1841) và một người bổ biên khuyết danh (1866).⁽¹⁰⁸⁾

Các trích đoạn khảo sát trong phần này dựa vào bản Long Bản.⁽¹⁰⁹⁾

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2. Mục lục *Quỳnh Châu phủ chí*

Mục lục <i>Quỳnh Châu phủ chí</i> (viết tắt <i>QCPC</i>) 44 quyển, 1 quyển <i>Thủ</i> , Long Bản, 1890	瓊州府志目錄 四十四卷, 首一卷
Quyển Thủ	卷首
Lời Tựa, Địa đồ, Bảng biểu	序圖表
Lời Tựa, gồm các bài:	序:
“Lời tựa soạn tiếp <i>QCPC</i> ” của Minh Nghị, tiến sĩ, Bình bị hai đạo Lôi Châu, Quỳnh Châu, Tri phủ Quỳnh Châu, không đề năm.	續修瓊州府志序. 明誼進士, 廣東雷瓊兵備道知瓊州府事
“Lời tựa soạn tiếp <i>QCPC</i> ” của Trương Nhạc Tung, đề năm Đạo Quang Tân Sửu [1841].	續修瓊州府志序, 張岳崧道光辛丑
“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hy thứ 15 [1676]” của Ngưu Thiên Túc, tiến sĩ, Tri phủ.	康熙十五年重修志序, 牛天宿進士, 郡守
“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hy thứ 45 [1706]” của Giả Đường, sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.	康熙四十五年重修志序, 賈棠歲貢, 郡守
“Lời tựa soạn tiếp năm Càn Long thứ 39 [1774]” của Tiêu Ứng Thực, sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.	乾隆三十九年續修志序, 蕭應植拔貢, 郡守
“Lời tựa cho lần khắc in thêm <i>QCPC</i> ” của Long Bản, Thự Tri phủ Quỳnh Châu, đề năm Quang Tự thứ 16 [1890].	補刊瓊州府志板序, 隆斌署瓊州府事, 光緒十六年
Địa đồ, khuyết	圖: [缺]
Bảng biểu, biểu diễn cách qua các đời	表: 歷代沿革表
Q.1. Dư địa chí	卷之一 輿地志
Thay đổi hành chánh, địa giới qua các đời	歷代沿革
Q.2. Dư địa chí	卷之二 輿地志
Không gian tương ứng giữa các chòm sao và vùng đất	星野, 氣候潮汐附
Khí hậu, phụ chép về thủy triều	
Q.3. Dư địa chí	卷之三 輿地志
Bờ cõi [phân chép Tứ chí bát đảo các châu / huyện]	疆域
Phong tục	風俗
Q.4. Dư địa chí	卷之四 輿地志
Núi sông, phụ chép hàng, động, giếng, thác	山川巖洞井泉附
Thủy lợi	水利
Q.5. Dư địa chí	卷之五 輿地志
Sản vật	物產
Q.6. Kiến trí chí [Kiến trúc, xây dựng]	卷之六 建置志
Thành trì, phụ chép các công sở	城池公署附
Q.7. Kiến trí chí	卷之七 建置志
Trường học [trường Nho học công lập ở phủ, châu, huyện]	學校
Thư viện [di tích thư viện danh nhân, các trường học tư và trường hương học]	書院
Q.8. Kiến trí chí	卷之八 建置志
Các nơi hành lễ và đền thờ [công cộng]	壇廟
Q.9. Kiến trí chí	卷之九 建置志
Các khu dân cư, chợ	都市
Cầu cống, bến đò	橋渡
Q.10. Kiến trí chí	卷之十 建置志
Kho chứa lương thực	倉儲
Cổng tam quan, nhà bia kỷ niệm	坊表
Q.11. Kiến trí chí	卷之十一 建置志
Di tích xưa, khu mộ cổ, cơ sở từ thiện	古蹟 塋墓 養濟
Q.12. Kinh chính chí [Kinh tế, Hành chánh]	卷之十二 經政志
Tuyển cử, đề bạt	銓選
Lương bổng, phụ thêm quy chế tiền tệ	祿餉 錢法附